

## CÁC HOẠT ĐỘNG PHI NÔNG NGHIỆP Ở THÔN PÒ CẠI: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG

BÙI THỊ BÍCH LAN

Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH - HĐH) đặt ra đối với vùng dân tộc thiểu số (DTTS) ở nước ta là phải xây dựng được hạ tầng kinh tế kỹ thuật hiện đại; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, thương mại, giảm tỷ trọng nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa...

Bản chất nền kinh tế truyền thống của phần lớn các DTTS mang tính tự cấp, tự túc. Khi bước vào Đổi mới, nền kinh tế này phải chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Cùng với sự chuyển đổi đó là tình trạng gia tăng dân số, thu hẹp diện tích rừng, sự suy giảm nhanh chóng chất lượng đất... Trong bối cảnh đó, việc phát triển, mở rộng các hoạt động phi nông nghiệp là một hướng đi đúng đắn để tận dụng lao động nông nhân trong nông nghiệp và cải thiện thu nhập cho người dân.

Ở nước ta, phần lớn các nghiên cứu dân tộc học/nhân học về sinh kế tộc người từ trước tới nay được tập trung vào hoạt động nông nghiệp. Trong những năm gần đây, với nền kinh tế thị trường, các hoạt động phi nông nghiệp được mở rộng và bước đầu có vị trí trong cơ cấu kinh tế của một số tộc người. Vì thế, các nhà nghiên cứu đang dần

chú ý nhiều hơn đến vấn đề này. Một số công trình đã đề cập đến sự chuyển biến cơ cấu kinh tế, chuyển biến nghề nghiệp ở nông thôn dưới tác động của quá trình đô thị hóa và CNH - HĐH. Trong một nghiên cứu về làng ven đô ở Hà Nội, tác giả Nguyễn Văn Sửu phân tích khá cụ thể những tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa đến sinh kế của nông dân Việt Nam (Nguyễn Văn Sửu, 2008). Cũng tại hai xã vốn thuộc ngoại thành Hà Nội nay chuyển thành phường, từ việc tìm hiểu về quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp do bị mất đất sản xuất, tác giả Trần Hồng Yên đã làm rõ được những thách thức đang đặt ra đối với người dân nơi đây (Trần Hồng Yên, 2009, tr. 28-38). Ở một xã khác thuộc ngoại thành Hà Nội, người nông dân không bị thu hẹp đất sản xuất nhưng do sự gia tăng cơ hội việc làm cho thu nhập cao hơn nghề nông nên quá trình chuyển đổi nghề nghiệp cũng đang diễn ra khá sôi động (Vũ Thị Hòa, 2012, tr. 20-24). Tương tự, biến đổi cơ cấu kinh tế của một địa phương cụ thể ở đồng bằng sông Hồng trước tác động của quá trình CNH - HĐH đã được đề cập trong một nghiên cứu gần đây (Nguyễn Văn Tạo, 2012, tr. 39-47)... Các nghiên cứu trên đều có chung nhận định rằng, CNH - HĐH đang mang lại sự chuyển biến tích cực; song từ đó cũng đặt ra không ít những vấn đề cần được

quan tâm trên tất cả các lĩnh vực của đời sống như phân tầng mức sống, quan hệ gia đình, tệ nạn xã hội... Sự nghiệp CNH - HĐH không thể thực sự thành công nếu những vấn đề trên không được giải quyết kịp thời.

Có thể nhận thấy, hầu hết những nghiên cứu đều tập trung vào khu vực đô thị, các thành phố lớn và ở dân tộc chiếm đa số. Trên thực tế, mặc dù quá trình CNH - HĐH diễn ra ở vùng DTTS chưa thể mạnh mẽ và sâu sắc bằng, nhưng cũng đang dần lan tỏa tới mọi khía cạnh đời sống ở từng bản làng. Đã xuất hiện không ít những tác động và chuyển biến mang tính đa chiều từ quá trình này ở vùng DTTS, nhất là đối với những tộc người có trình độ phát triển tương đối cao. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thực trạng phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở một làng người Tày cụ thể trong quá trình hội nhập kinh tế, bước đầu xem xét những ảnh hưởng và hệ lụy của quá trình chuyển đổi này đến các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

### **1. Bối cảnh ra đời và phát triển của các hoạt động phi nông nghiệp**

*Nền kinh tế thị trường.* Những năm đầu thập niên 1980, trước sự khủng hoảng của hệ thống hợp tác xã trên toàn quốc, hàng loạt các cải cách về mặt chính sách đã được Nhà nước ban hành. 10 năm sau Đổi mới, hệ thống hợp tác xã nông nghiệp làm ăn kém hiệu quả đã dần bị xóa bỏ, quyền sở hữu tư liệu sản xuất của người dân được phục hồi và nền kinh tế thị trường được khuyến khích phát triển. Mỗi hộ nông dân được giao quyền sử dụng đất và được tự do lựa chọn hệ thống sản xuất cho gia đình mình. Với chủ trương mở cửa và tăng cường hội nhập, phát triển kinh tế, tình hình buôn bán, trao đổi

hàng hóa đã có nhiều khởi sắc ở tất cả các vùng miền và có tác động trực tiếp tới sinh kế của người Tày ở Pò Cại.

*Chính sách liên quan đến đất đai và rừng.* Đất đai vốn là một loại tư liệu sản xuất rất quan trọng và có sự ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội ở vùng DTTS và miền núi nước ta. Vì vậy, trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách lớn liên quan đến vấn đề này, ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế của các nông hộ trên địa bàn cả nước nói chung và của người dân ở thôn Pò Cại nói riêng. Trong đó, có thể kể đến Nghị định số 64/CP ngày 27/3/1993 của Chính phủ về Quy định việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định 02 - CP ngày 15/1/1994 về Việc giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp... Quyền làm chủ của người lao động với đất và rừng được khẳng định đã thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp đang ngày một suy giảm do tập quán canh tác cũng như một số chính sách về đất đai nêu trên. Thiếu đất sản xuất cộng với tình trạng gia tăng dân số đã buộc người dân phải tính kế mưu sinh ngoài sản xuất nông nghiệp.

*Chính sách mở cửa biên giới.* Năm 1978, Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, tiếp đó, năm 1986, sự nghiệp Đổi mới ở Việt Nam cũng được bắt đầu. Với việc ký kết Kỷ yếu Hội nghị đồng thuận bình thường hóa quan hệ hai nước năm 1990, hiệp định mậu dịch Trung - Việt và

hiệp định tạm thời về việc xử lý công việc biên giới hai nước năm 1991, quan hệ Việt - Trung đã bước sang một trang sử mới. Một số chính sách quan trọng trong phát triển vùng biên giới Việt - Trung của Chính phủ đã ra đời, trong đó có thể kể đến Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 1/7/2004 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010; Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30/8/2007 về Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020... Từ khi cửa khẩu biên giới hai nước được tái thông thương, đời sống các tộc người ở khu vực này đã chịu những tác động nhất định. Với người dân ở Pò Cại, do nằm ở vị trí khá thuận lợi về giao thông với một số cửa khẩu ở biên giới Lạng Sơn nên mọi mặt của đời sống (nhất là sinh kế) trong thời gian qua đã chịu những tác động đáng kể từ hoạt động kinh tế biên mậu ở khu vực này.

*Tác động của người Việt.* Dưới nhiều hình thức, từ những năm đầu thập niên 1960 đến nay, người Việt đã tiến hành nhiều đợt chuyển cư lên miền núi phía Bắc, trong đó có Lạng Sơn. Đến nay, người Việt đã khẳng định được vai trò tích cực đối với sự phát triển của vùng Đông Bắc, làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt đời sống kinh tế - xã hội ở khu vực này. Họ không chỉ là tấm gương trong làm kinh tế, mà còn có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường làm việc, thu hút phần lớn lao động phi nông nghiệp [Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên), 2013, tr. 113-115].

Thực tế ở Pò Cại cũng cho thấy, mọi hoạt động phi nông nghiệp mà người dân đang tham gia đều có mối quan hệ với người Việt trên địa bàn.

*Cơ sở hạ tầng được đầu tư.* Để góp phần đưa sản xuất nông nghiệp vùng DTTS và miền núi chuyển dần sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, Nhà nước đã triển khai thực hiện hàng loạt các chương trình, trong đó có đầu tư cơ sở hạ tầng. Từ các chương trình này, ở xã Gia Cát và huyện Cao Lộc, cơ sở hạ tầng đang dần được hoàn thiện. Đường quốc lộ 4B đã được nâng cấp, giao thông liên thôn, liên xã được đầu tư chống lầy và ngày càng kiên cố hóa... Thôn Pò Cại lại nằm ở vị trí thuận tiện cho việc giao lưu, thông thương với các khu kinh tế của tỉnh, nhất là các cửa khẩu Việt - Trung<sup>1</sup>.

Đó là những tiền đề quan trọng giúp người dân Pò Cại hội nhập với nền kinh tế thị trường, mở rộng cơ hội tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp.

## 2. Các hoạt động phi nông nghiệp

Giai đoạn trước Đổi mới, nguồn sinh kế chủ yếu của người dân Pò Cại là sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh trồng trọt, các loại hình kinh tế khác như chăn nuôi, thủ công gia đình, hái lượm và săn bắn là những hoạt động không thể thiếu, mang tính mùa vụ và bổ trợ cho trồng trọt. Hiện nay, nhằm cải thiện nguồn thu nhập, ngoài các hoạt động sinh kế truyền thống, người Tày nơi đây còn tham gia một số hoạt động phi nông nghiệp. Dưới đây là những hoạt động phi nông

<sup>1</sup> Thôn Pò Cại cách đường quốc lộ 4B: 3km, thành phố Lạng Sơn: 8km, cửa khẩu Đồng Đăng: 20km, cửa khẩu Chi Ma: 25km, cửa khẩu Cốc Nam: 27km, cửa khẩu Hữu Nghị: 27km, cửa khẩu Pác Sắn: 35km và cửa khẩu Tân Thanh: 36km.

ng nghiệp hiện có trong cộng đồng người Tày ở thôn Pò Cại.

## 2.1. Làm thuê

### 2.1.1. Làm thuê trong nước

Các công việc mà người Tày ở thôn Pò Cại thường làm thuê gồm: xây dựng, bốc vác, công nhân ở các khu công nghiệp... Cụ thể như sau:

#### 2.1.1.1. Xây dựng

Công việc này hiện thu hút khá nhiều lao động trong thôn (cả nam và nữ). Họ đi

theo các tổ thợ cố định do người Kinh làm chủ, địa điểm làm việc thường là ở thành phố Lạng Sơn và các huyện lân cận (chỉ một vài người làm ở Hà Nội). Thu nhập trung bình khoảng 150.000 - 200.000 đồng/ngày và một bữa ăn trưa. Một số trường hợp đi làm xa nhà trong thời gian dài, nhưng mỗi khi vào mùa vụ, họ vẫn xin phép chủ thầu được nghỉ khoảng 10 - 15 ngày để về phụ giúp gia đình. Số lao động ở thôn Pò Cại tham gia công việc này có xu hướng gia tăng và trở thành “phong trào” trong những năm gần đây (xem Bảng 1).

Bảng 1. Lao động phi nông nghiệp ở thôn Pò Cại

Công việc		Số lao động (người)	Tỷ lệ so với tổng số lao động phi nông nghiệp (%)	
Làm thuê	Trong nước	Xây dựng	21	23,1
		Bốc vác	17	18,7
		Công nhân khu công nghiệp	9	9,9
		Bán hàng, phục vụ nhà hàng	7	7,8
	Qua biên giới	Làm mía	11	12,1
		Làm gỗ	7	7,8
Dịch vụ	Bán hàng tạp hóa	6	6,6	
	Vận tải	6	6,6	
	Buôn bán chim cảnh	4	4,4	
	Xay xát	2	2,2	
	Bi-da	1	1,1	
<b>Tổng cộng</b>		<b>91</b>	<b>100</b>	

Nguồn: Tư liệu điền dã của tác giả, 2014.

### 2.1.1.2. Bốc vác

Cuối những năm 2000, do được người quen trong xã giới thiệu, một vài thanh niên ở thôn Pò Cại đã tham gia bốc vác ở các cửa khẩu. Công việc này đang ngày càng thu hút nhiều lao động trong thôn với một số lý do: là loại lao động tự do, thu nhập khá cao (200.000 - 300.000 đồng/ngày), nơi làm việc gần nhà, thời gian lao động ngắn (4 - 5 giờ/ngày)... Đối tượng tham gia hoạt động này là nam giới trong độ tuổi lao động, có vài trường hợp đang là học sinh, tranh thủ đi làm dịp nghỉ hè để có thêm thu nhập cho gia đình. Công việc chủ yếu là chuyển hàng hoặc xuống hàng (vật liệu xây dựng, hoa quả...) cho các công ty, nhà máy của người Kinh trên thành phố Lạng Sơn hoặc ở các cửa khẩu. Đặc biệt, vào đợt giáp Tết Nguyên đán, nhu cầu sử dụng lao động vận chuyển hàng hóa tại các cửa khẩu rất lớn nên hầu hết nam giới trong độ tuổi lao động ở thôn đều tham gia công việc này.

### 2.1.1.3. Công nhân ở các khu công nghiệp

Đầu những năm 2000, do được người quen giới thiệu, một số nam giới ở thôn Pò Cại đi làm công nhân ở các khu công nghiệp (KCN) phía Nam như KCN Bình Dương (Sóng Thần, Mỹ Phước), KCN Đồng Nai... Những thanh niên Pò Cại sinh ra và lớn lên trong một nền kinh tế tiểu nông, khi vào môi trường làm việc mới, họ không chịu được áp lực về mặt thời gian, không tuân thủ được giờ giấc; trong giờ làm việc thì cảm thấy gò bó, khó chịu khi phải ngồi một chỗ trong thời gian dài, nên đã tự ý làm việc, đi lại theo sở thích; nghỉ làm thì vô tổ chức, không xin phép; không ít lần tụ tập uống rượu quá đà vào những ngày nghỉ để rồi đến ngày làm

việc thì không đảm sức khỏe... nên họ thường bị kỷ luật, rồi sinh ra tâm lý bất mãn. Vì vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, họ đã lần lượt trở về quê và đến nay, không có trường hợp nào còn tham gia công việc này.

Vài ba năm trở lại đây, khá nhiều lao động nữ (tốt nghiệp phổ thông trung học) đã vào làm việc cho một số công ty liên doanh (Canon, Samsung, Hanel...) ở Bắc Giang, Bắc Ninh. Khác với những đối tượng đi làm việc ở các KCN phía Nam vừa kể trên, các đối tượng này có trình độ học vấn cao hơn, khả năng làm quen và thích nghi tốt hơn với môi trường làm việc mới. Do công việc và mức lương khá ổn định (5 - 7 triệu đồng/tháng) nên hầu hết trong số họ đều muốn gắn bó lâu dài và con cái được trúng tuyển vào các công ty này là mong muốn của nhiều bậc cha mẹ ở thôn Pò Cại hiện nay.

### 2.1.1.3. Các nghề khác

Ngoài các công việc trên, ở thôn Pò Cại còn có một vài cô gái trẻ, có vẻ ngoài ưa nhìn hiện đang bán hàng thuê cho các cửa hàng điện tử điện lạnh, thời trang, mỹ phẩm... Một vài nam giới phục vụ nhà hàng (bung bê, nấu nướng...) ở thành phố Lạng Sơn. Tuy nhiên, những công việc này không ổn định, nên họ thường thay đổi chỗ làm trong thời gian ngắn.

### 2.1.2. Làm thuê qua biên giới

Thời gian gần đây, bên cạnh những công việc làm thuê trong nước, một số người dân ở thôn Pò Cại cũng tìm kiếm một vài việc làm ở bên kia biên giới. Những việc làm thuê qua biên giới gồm trồng và thu hoạch mía, khai thác gỗ, xuất khẩu lao động.

Dưới đây là thông tin về những hoạt động sinh kế này.

#### 2.1.2.1. Trồng và thu hoạch mía

Một bộ phận lao động nữ ở thôn Pò Cại đã tham gia vào công việc trồng, chặt mía thuê cho những người đồng tộc ở bên kia biên giới (Trung Quốc) từ năm 2008, 2009 đến nay. Công việc đó không thường xuyên, chỉ khi đến mùa trồng và thu hoạch mía (tháng 10 đến tháng 2 năm sau) và thời gian mỗi đợt đi thường từ 1 tuần đến 1 tháng. Họ được chủ lo ăn ở và trả công khoảng 40 tệ/ngày (tương đương với 100.000 - 150.000 đồng/ngày). Đây là công việc không quá nặng nhọc, chủ yếu thu hút các lao động nữ, nhưng có khá nhiều rủi ro. Không hiếm trường hợp, khi công việc kết thúc thì người chủ lừa trốn mất; không biết tiếng, không biết nhà cửa của chủ, họ đành mất trắng số tiền công lao động. Một số trường hợp khi được chủ trả tiền sòng phẳng thì lại bị kẻ xấu trôn lột trên đường trở về nhà.

#### 2.1.2.2. Khai thác gỗ

Hiện trong thôn có một nhóm nam giới thường xuyên qua đường mòn sang Trung Quốc chặt gỗ thuê cho các công ty tư nhân, mỗi đợt đi khoảng trên dưới một tháng với mức thù lao khoảng 70 đến 80 tệ/ngày (khoảng 200.000 - 250.000 đồng/ngày), được nuôi cơm và ngủ lán trong rừng. Tuy nhiên, sau sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 ở biển Đông, việc kiểm tra an ninh tại cơ sở làm việc được thắt chặt hơn trước đã khiến một số lao động bị công an, chính quyền Trung Quốc bắt giữ do không có giấy tờ hợp pháp và một số người khác còn bị người dân sở tại gây gỗ, đánh đập vô cớ. Trong tình

hình đó, những người dân Pò Cại đang tham gia công việc này lần lượt trở về và tìm kiếm cơ hội việc làm mới.

#### 2.1.2.3. Xuất khẩu lao động

Ngoài những công việc trên, một số nam thanh niên ở Pò Cại từng đi xuất khẩu lao động ở Malaysia (năm 2006). Đây là chương trình có sự hỗ trợ vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, khi sang đó làm việc, mọi việc diễn ra không được như mong đợi. Chỉ sau vài tháng, phần lớn trong số họ đã tự bỏ cuộc hoặc bị công ty chấm dứt hợp đồng. Nguyên nhân của vấn đề này có thể kể tới sự hạn chế về nhận thức, bất đồng ngôn ngữ, không thích nghi được với môi trường đòi hỏi tính kỷ luật... Ở thời điểm hiện tại, có vài trường hợp từ khi trở về nước đến nay vẫn chưa trả hết được tiền vay nợ ngân hàng.

### 2.2. Kinh doanh quy mô nhỏ

Có thể nói, kinh doanh không phải là nghề truyền thống của người Tày ở thôn Pò Cại. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập ngày càng nhiều ở tỉnh Lạng Sơn và vùng biên giới Việt - Trung, trong đó có thôn Pò Cại, một bộ phận người dân đã tham gia vào các hoạt động kinh doanh quy mô nhỏ.

#### 2.2.1. Buôn bán tạp hóa

Cuối những năm 1990, xuất hiện những đại lý nhỏ tại nhà đầu tiên ở thôn Pò Cại, chủ yếu cung cấp các mặt hàng tiêu dùng cho bà con trong thôn. Các loại sản phẩm mà đại lý bán ra ngày càng đa dạng về chủng loại như bánh kẹo, thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt, các loại phân hoá học, giống cây trồng... Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu của tư thương dưới xuôi, các đại lý này còn

thu mua của bà con các loại lâm sản và nhất là nông sản (hồng, rau thơm) với quy mô ngày càng được mở rộng.

### 2.2.2. Vận tải

Vài năm gần đây, một số hộ đã đầu tư mua xe tải, vận chuyển hàng thuê cho các công ty tư nhân ở thành phố Lạng Sơn và các cửa khẩu. Công việc khá thường xuyên và đem lại thu nhập tương đối cao so với các công việc khác (trên dưới 10 triệu đồng/tháng). Tuy nhiên, do vốn đầu tư (mua phương tiện) khá lớn nên chỉ những hộ có đủ khả năng tài chính mới có thể tham gia hoạt động này.

### 2.2.3. Buôn bán chim cảnh

Cùng với dịch vụ vận tải, buôn bán chim cảnh đang được xem là một trong những công việc đem lại lợi nhuận “hấp dẫn” nhất hiện nay. Những người buôn bán chim cảnh thường đi theo nhóm (2 - 3 người) sang thị trường chim cảnh ở Trung Quốc để tìm mua hàng bằng đường tiểu ngạch, sau đó mang chim về bán lại cho các tư thương dưới xuôi. Mặc dù được xem là nghề có thu nhập cao, nhưng số người tham gia chưa nhiều do công việc này đòi hỏi người có nhiều kinh nghiệm, thông thạo trong việc tìm hàng, chọn hàng, biết chấp nhận rủi ro cũng như phải có mối tiêu thụ ổn định.

## 3. Biến đổi văn hóa - xã hội tộc người trước sự phát triển của các hoạt động phi nông nghiệp

### 3.1. Biến đổi về xã hội

*Nâng cao mức sống và thu nhập.*  
Trong cơ cấu kinh tế của xã Gia Cát cũng như của thôn Pò Cại hiện nay, nông nghiệp vẫn chiếm vị trí chủ đạo, nhưng các hoạt động phi nông nghiệp đang dần có vai trò

đáng kể, góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, giảm dần lao động nông nghiệp; góp phần giải quyết lao động dư thừa, tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập tiền mặt. Theo ước tính, có tới hơn 80% số hộ trong thôn có nguồn thu nhập từ các hoạt động ngành nghề. Mức sống của các hộ gia đình ngày càng được nâng cao từ bữa ăn, nhà cửa, phương tiện đi lại... Tỷ lệ hộ nghèo trong thôn đang giảm dần qua các năm. Cụ thể, nếu như năm 2005 là 16/83 hộ nghèo (19,2%) thì đến năm 2013 chỉ còn 8/92 hộ nghèo (8,6%)<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tình trạng phân hóa giàu - nghèo, chênh lệch về mức sống ở Pò Cại đang ngày càng được bộc lộ rõ bởi khả năng hội nhập với thị trường của mỗi hộ gia đình (vốn nhân lực, vốn tài chính...) ở những mức độ khác nhau.

*Suy giảm tính cố kết.* Với sự tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động sinh kế bên ngoài, mạng lưới quan hệ xã hội của mỗi thành viên trong cộng đồng ngày càng đa dạng và phức tạp hơn. Chính vì vậy, mối quan hệ gia đình không được bền chặt như trước. Rạn nứt tình cảm vợ chồng, ngoại tình, ly dị... đã xuất hiện, tập trung nhiều hơn ở những đối tượng đi làm ăn xa, có nguồn thu nhập phi nông nghiệp. Con cái đến tuổi trưởng thành ngày càng bớt lệ thuộc vào gia đình và các chuẩn mực xã hội truyền thống. Tính tương trợ đang phai nhạt dần, thay vào đó là sự sòng phẳng, tính toán thiệt hơn, ngay cả với người thân thích. Mọi sự giúp đỡ, hỗ trợ công lao động của anh em họ hàng như trước đây trong các công việc như dựng nhà, trồng cây, thu hoạch nông sản... nay đều được

<sup>2</sup> Tài liệu của cán bộ thôn Pò Cại.

quy ra tiền. Việc thuê người khác thay mình tham gia Hội hàng phe của một số trường hợp thường xuyên đi làm ăn xa đã không còn hiếm gặp. Tương tự, thông qua những sinh hoạt tập thể, người ta có thể dễ dàng nhận thấy, mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng ít có sự gắn kết hơn trước bởi sự xuất hiện của chủ nghĩa cá nhân và tính thực dụng. Hoạt động của chính quyền cơ sở và các tổ chức đoàn thể ngày càng mang nặng tính hình thức và kém hiệu quả bởi giờ đây, quỹ thời gian tham gia các sinh hoạt của Hội, của cộng đồng đều được người dân quy đổi ra ngày công lao động.

*Gia tăng tệ nạn xã hội.* Cùng với quá trình hội nhập, nhiều tệ nạn xã hội vốn chưa từng có trước năm 2000 thì nay đã xuất hiện ở Pò Cại và đang có xu hướng gia tăng (cờ bạc, trộm cắp, mại dâm...). Nạn cờ bạc đang diễn ra ở đây dưới nhiều hình thức (lô đề, tá lả, xèng, liêng, ba cây, xóc đĩa...). Theo một người dân đang làm “thư ký” cho các chủ ở ngoài thành phố Lạng Sơn để “ăn hoa hồng” thì có một vài người chơi trong thôn đã ghi nợ họ lên tới vài trăm triệu đồng. Cũng có vài hộ gia đình phải bán tới vài vụ hồng mới đủ trả nợ lô đề. Điều đáng nói ở đây là thành phần tham gia những tệ nạn này chủ yếu là những đối tượng đã và đang tham gia các hoạt động mưu sinh ở bên ngoài xã hội.

### **3.1. Biến đổi về văn hóa**

*Tăng cường giao lưu và hội nhập.* Với người Tày ở thôn Pò Cại, quá trình mở rộng và phát triển các hoạt động phi nông nghiệp trong thời gian qua đã góp phần tác động không nhỏ tới quá trình giao lưu và hội nhập, tiếp thu yếu tố văn hóa mới. Từ các hoạt động mưu sinh bên ngoài xã hội, người

dân đã dần được trải nghiệm, học hỏi và trưởng thành từ những môi trường làm việc hoàn toàn xa lạ và mới mẻ. Trong quá trình đó, sự giao lưu và tiếp biến văn hóa được thể hiện trên hầu hết các khía cạnh từ ngôn ngữ đến trang phục, nhà cửa, ẩm thực... Đời sống tinh thần ngày càng được nâng cao, 100% số hộ đã có tivi, nhiều thanh thiếu niên đã khá thành thạo với công nghệ máy tính và internet... Đặc biệt, những người dân Pò Cại đã từng bước ra khỏi ngôi làng của mình để tìm kế mưu sinh, dù ở bất cứ công việc nào, dù là thành công hay chưa thành công, khi trở về làng, họ cũng tích lũy được những kinh nghiệm, vốn sống rất đáng quý. Đó là tính năng động, sự nhạy bén, khả năng thích nghi với nền kinh tế thị trường... Điều đó chắc hẳn sẽ còn góp phần thay đổi lối sống, hành vi, hệ tư tưởng của thế hệ thanh thiếu niên nói riêng và cộng đồng nói chung.

*Mai một bản sắc văn hóa tộc người.* Bên cạnh những yếu tố tích cực, những người đã từng làm việc ở môi trường bên ngoài cũng mang về những thói quen, nếp nghĩ không phù hợp với văn hóa tộc người. Một số giá trị, chuẩn mực đang bị lối sống thực dụng lấn át. Tâm lý ưa hưởng thụ, đua đòi, trung diện, thích la cà quán xá, bi-a, điện tử... được thể hiện rõ hơn ở những đối tượng thanh niên khác trong thôn. Các giá trị văn hóa tộc người đang dần mai một, thay vào đó, sự ảnh hưởng của văn hóa phổ thông ngày càng rõ nét. Bước vào làng, vào từng ngôi nhà người Tày ở thôn Pò Cại hiện nay, nếu không phải là những ngày lễ tết hay những dịp đặc biệt, chúng ta sẽ rất khó có thể tìm ra những nét văn hóa đặc trưng còn tồn tại trong sinh hoạt thường ngày của tộc người này. Chính sự tham gia ngày càng nhiều vào

các hoạt động mưu sinh ở bên ngoài đã góp phần làm cho yếu tố văn hóa ngoại lai được du nhập nhanh hơn, mạnh hơn.

#### **4. Xu thế phát triển và những vấn đề đặt ra**

Có thể nói, sự ra đời và phát triển của các hoạt động phi nông nghiệp ở thôn Pò Cại trong thời gian gần đây đã góp phần thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế - xã hội của người dân nơi đây. Điều đó thể hiện khả năng ứng phó và thích nghi của người dân trước những thay đổi về chính sách và thể chế. Trong điều kiện nguồn đất đai trong nông nghiệp đang ngày càng suy giảm cả về chất lượng và số lượng thì sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành nghề phi nông nghiệp ở thôn Pò Cại là một hướng đi hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, cũng có không ít vấn đề đang được đặt ra đối với các hoạt động phi nông nghiệp trong quá trình chuyển đổi này.

*Thiếu tính bền vững.* Với nền kinh tế thị trường, người dân Pò Cại tỏ ra khá nhanh nhạy trong việc nắm bắt các cơ hội nghề nghiệp. *Cửu vạn một tháng còn hơn làm lúa một năm*, nhận định như vậy của thanh niên Pò Cại hiện nay đã phần nào nói lên vai trò đáng kể của các hoạt động phi nông nghiệp trong việc cải thiện nguồn thu nhập. Tuy nhiên, do chưa được trang bị những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết nên phần lớn lao động phi nông nghiệp chỉ là lao động phổ thông. Bóc vác là công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức khỏe và thiếu ổn định, lâu dài. Hoạt động làm thuê ở khu vực biên giới luôn tiềm ẩn những rủi ro, bất trắc. Khi xảy ra biến cố, như việc giàn khoan Hải Dương 981 của Trung Quốc xâm phạm trái phép vào vùng

biên Việt Nam, tất cả họ - những cửu vạn ở cửa khẩu hay người làm thuê ở bên kia biên giới đều phải tạm dừng mọi công việc để chờ đợi một tình hình khả quan hơn. Công việc phụ hồ tương đối vất vả, phụ thuộc nhiều vào các chủ thầu, nên không phải lúc nào cũng có việc. Đa số lao động nữ làm công nhân ở các KCN chỉ được 5 - 6 năm, bởi họ phải về quê để tính chuyện lập gia đình. Dù muốn gắn bó với công ty do thu nhập và chế độ đãi ngộ tương đối tốt so với các ngành nghề khác, họ vẫn thường nghỉ việc ngay sau khi kết hôn. Công việc bán hàng hay phục vụ nhà hàng cũng không mang tính lâu dài bởi những công việc này luôn đòi hỏi sự trẻ trung, nhanh nhẹn. Vì thế, trong tiềm thức, những người đang tham gia hoạt động phi nông nghiệp ở bên ngoài vẫn lấy nghề nông làm gốc. Ngoại trừ những công việc phải di cư một thời gian dài, họ vẫn luôn sắp xếp thời gian để vừa đảm bảo các công việc bên ngoài, vừa giúp gia đình trong hoạt động sản xuất nông nghiệp khi thời vụ đến. Nếu không thu xếp được, họ sẵn sàng thuê người làm chứ không bỏ đồng ruộng. Điều đó phải chăng thể hiện sự nhìn nhận của người dân về tính “ăn xổi” và bấp bênh của các hoạt động phi nông nghiệp mà họ đang tham gia.

*Chất lượng nguồn nhân lực thấp.* Trong quá trình hội nhập, bên cạnh những ưu điểm, người Tày ở thôn Pò Cại đã bộc lộ sự hạn chế về trình độ và một số tập quán, thói quen, nếp nghĩ... không còn phù hợp, làm ảnh hưởng tới quá trình phát triển và mở rộng các hoạt động phi nông nghiệp. Trong các hoạt động này, làm thuê chiếm tỷ lệ lớn, đa số chỉ là lao động phổ thông, không qua đào tạo, không đòi hỏi nhiều về kỹ thuật,

trình độ, ý thức kỷ luật và rủi ro luôn tiềm ẩn. Chính sự hạn chế về trình độ nhận thức đã khiến đội ngũ làm việc tại các KCN phía Nam và tại Malaysia không đáp ứng được yêu cầu của công việc. Sau một thời gian, theo quy luật tự nhiên, họ bị đào thải và phải quay về địa phương, rồi chọn cho mình những công việc khác. Từ đồng ruộng, họ - những con người của một nền sản xuất tiểu nông đã bước chân vào những môi trường làm việc hoàn toàn xa lạ. Và sự thích ứng này đã không hề dễ dàng. Điều này khiến chúng ta phải suy ngẫm về chất lượng nguồn nhân lực, dù đơn giản chỉ là lao động phổ thông và đây đang là một trong những rào cản của thế hệ trẻ nơi đây trên con đường hội nhập.

*Ý thức về giá trị của giáo dục.* Những năm gần đây, huyện Cao Lộc, trong đó có xã Gia Cát, đã triển khai một số chương trình đào tạo nghề cho thanh niên (sửa chữa máy cày, chăn nuôi lợn...). Ở thôn Pò Cại, Bí thư Đoàn Thanh niên cho biết, mặc dù đã được vận động, nhưng không ai đăng ký tham gia chương trình này. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, 100% trường hợp (7 người) ở thôn Pò Cại sau khi tốt nghiệp cao đẳng không xin được việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo. Công việc hiện tại của họ cũng chỉ là làm ruộng, bốc vác hoặc bán hàng. Thực trạng này đã làm cho phần lớn các bậc cha mẹ không hề có ý định cho con em mình phấn đấu nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp. Với thế hệ trẻ, họ cũng có cùng suy nghĩ này.

Tri thức là hành trang không thể thiếu để mỗi dân tộc vững bước trên con đường hội nhập và phát triển. Trong chiến lược kinh tế quốc gia, vấn đề *nguồn lực con*

*người* luôn được xem là trọng tâm và cốt lõi. *Phát triển giáo dục và ngành công nghiệp nông thôn phải trở thành một thành tố quan trọng trong phát triển nông thôn bền vững ở vùng núi* (Castella và Đặng Đình Quang, 2002). Nhưng không ít người dân ở Pò Cại hiện nay đang nhìn nhận giáo dục là không có giá trị hoặc có giá trị thứ yếu đối với việc đảm bảo sinh kế của họ. Suy nghĩ này chắc chắn sẽ không giúp họ tiếp cận được với những cơ hội nghề nghiệp tốt hơn trong tương lai. Và rất có thể, tình trạng này vẫn sẽ tiếp diễn dài lâu bởi họ đang chứng kiến cái “sự học” của một số con em trong thôn cũng chưa đem lại một tương lai tươi sáng hơn.

### **Kết luận**

Để thích ứng với bối cảnh mới, đảm bảo cuộc sống, người Tày ở thôn Pò Cại đang ngày càng đa dạng hóa các hoạt động kinh tế. Kết quả của quá trình này đã tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa, xã hội của người dân theo những chiều hướng khác nhau. Cuốn theo vòng xoáy của quá trình hội nhập, người dân tỏ ra khá nhanh nhạy trong việc tận dụng những cơ hội để đảm bảo sinh kế, song chưa tự trang bị (hay được trang bị) những kỹ năng cần thiết để ứng phó với những đòi hỏi cũng như mặt trái của nền kinh tế thị trường.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để từng bước thay đổi cách nhìn nhận của người dân về giá trị thực sự của giáo dục trong bối cảnh của nền kinh tế đổi mới. Nếu không, với ý thức về đầu tư giáo dục và định hướng nghề nghiệp cho thế hệ trẻ như hiện nay thì câu chuyện về sự thành công của công cuộc CNH - HDH và hội nhập ở thôn Pò Cại trong tương lai là một điều rất khó nói trước.

**Tài liệu tham khảo**

1. Castella, Jean-Christophe và Đặng Đình Quang (Chủ biên) (2008), *Đổi mới ở vùng miền núi - Chuyển đổi sử dụng đất và chiến lược sản xuất của nông dân tỉnh Bắc Kạn*, Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên) (2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vũ Thị Hòa (2012), “Chuyển biến nghề nghiệp ở xã Thọ Xuân (huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội) những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 20-24.
4. Nguyễn Văn Sừ (2014), *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Tạo (2012), “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những vấn đề đặt ra ở xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 39-47.
6. Trần Thị Hồng Yến (2009), “Chuyển đổi nghề nghiệp ở một số xã ngoại thành Hà Nội được chuyển thành phường”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 28-38.